

NGHỊ QUYẾT
Về việc phân bổ ngân sách địa phương năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC CƠ
KHOÁ VI - KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính Phủ: Về việc Ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 882/QĐ-UBND, ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh Gia lai: Về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2018 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Sau khi xem xét Tờ trình số 156/TTr-UBND, ngày 13/12/2017 của UBND huyện: Về việc phân bổ ngân sách địa phương năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 156/TTr-UBND, ngày 13/12/2017 về việc phân bổ ngân sách địa phương năm 2018, như sau:

A. NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN:

I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH HUYỆN:

343.099,0 triệu đồng

1. Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp:

29.478,0 triệu đồng

Tăng thu so với kế hoạch tỉnh giao 7.400 triệu đồng, Gồm: Thu tiền sử dụng đất 7.100 triệu đồng; Thu thuế 200 triệu đồng; thu biện pháp tài chính 100 triệu đồng).

2. Thu bổ sung từ cấp trên:

309.621,0 triệu đồng

- Thu cân đối ngân sách huyện:

265.887,0 triệu đồng

- Thu bổ sung ngân sách huyện:

43.734,0 triệu đồng

3. Thu kết dư ngân sách huyện:

4.000,0 triệu đồng

II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN:

343.099,0 triệu đồng

1. Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện:

301.618,8 triệu đồng

- Chi đầu tư phát triển :

30.100,0 triệu đồng

+ Chi xây dựng cơ bản tập trung:

12.900,0 triệu đồng

+ Chi từ nguồn thu Cấp quyền sử dụng đất:

13.200,0 triệu đồng

+ Chi từ nguồn thu kết dư ngân sách huyện:

4.000,0 triệu đồng

- Chi thường xuyên :

265.775,0 triệu đồng

+ Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề:

178.398,0 triệu đồng

+ Chi khoa học và công nghệ:	350,0 triệu đồng
+ Chi quốc phòng:	7.246,0 triệu đồng
+ Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:	1.310,0 triệu đồng
+ Chi y tế, dân số và gia đình:	2.771,0 triệu đồng
+ Chi văn hóa thông tin:	1.810,0 triệu đồng
+ Chi phát thanh, truyền hình :	1.420,0 triệu đồng
+ Chi thể dục thể thao:	526,0 triệu đồng
+ Chi bảo vệ môi trường:	3.682,0 triệu đồng
+ Chi các hoạt động kinh tế:	14.925,0 triệu đồng
+ Chi cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể:	30.294,3 triệu đồng
+ Chi bảo đảm xã hội:	6.560,7 triệu đồng
+ Chi thường xuyên khác:	16.482,0 triệu đồng
- Dự phòng ngân sách :	5.743,8 triệu đồng
2. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới:	41.480,2 triệu đồng
- Chi cân đối:	35.021,2 triệu đồng
- Chi bổ sung có mục tiêu:	6.459,0 triệu đồng
B. NGÂN SÁCH CẤP XÃ:	
I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ:	56.432,2 triệu đồng
1. Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp:	14.952,0 triệu đồng
2. Thu bổ sung từ cấp trên:	41.480,2 triệu đồng
- Thu cân đối ngân sách xã:	35.021,2 triệu đồng
- Thu bổ sung ngân sách xã:	6.459,0 triệu đồng
II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ:	56.432,2 triệu đồng
1. Chi đầu tư phát triển:	4.800,0 triệu đồng
Trong đó: Chi từ nguồn thu Cấp quyền sử dụng đất:	4.800,0 triệu đồng
2. Chi thường xuyên :	50.661,0 triệu đồng
3. Dự phòng ngân sách :	971,2 triệu đồng
<i>(Cụ thể kèm theo các biểu mẫu: 30, 31, 32, 33, 34, 36, 37, 39, 41, 42)</i>	

Điều 2. Giao cho UBND huyện quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các xã, thị trấn và các đơn vị thuộc dự toán ngân sách huyện năm 2018 theo đúng qui định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện khoá VI, kỳ họp thứ tư thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 26/12/2017./. *JH*

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT Huyện uỷ;
- Sở Tư pháp;
- UBND, UBMTTQ huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các ban, ngành đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT, VP.

} Báo cáo



CHỦ TỊCH

Phạm Văn Cường

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 26/12/2017 của HĐND huyện Đức Cơ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2017	Ước thực hiện năm 2017	Dự toán năm 2018	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3/2
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN					
I	Nguồn thu ngân sách	315.290,1	351.679,4	343.099,0	- 8.580,4	97,6
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	27.185,1	25.745,0	29.478,0	3.733,0	114,5
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	288.105,0	302.887,0	309.621,0	6.734,0	102,2
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	265.887,0	265.887,0	265.887,0	-	100,0
-	Thu bổ sung có mục tiêu	22.218,0	37.000,0	43.734,0	6.734,0	118,2
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính (1)					
4	Thu kết dư			4.000,0		
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		23.047,4			
II	Chi ngân sách	315.290,1	345.009,2	343.099,0	- 1.910,2	99,4
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	275.626,2	295.033,0	301.618,8	6.585,8	102,2
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	39.663,9	49.976,2	41.480,2	- 8.496,0	83,0
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	35.021,2	35.021,2	35.021,2	-	100,0
-	Chi bổ sung có mục tiêu	4.642,7	14.955,0	6.459,0	- 8.496,0	43,2
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
III	Bội chi NSDP/Bội thu NSDP					

STT	Nội dung	Dự toán năm 2017	Ước thực hiện năm 2017	Dự toán năm 2018	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3/2
B	NGÂN SÁCH XÃ					
I	Nguồn thu ngân sách	56.228,8	68.301,2	56.432,2	- 11.869,0	82,6
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	16.564,9	18.325,0	14.952,0	- 3.373,0	81,6
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	39.663,9	49.976,2	41.480,2	- 8.496,0	83,0
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	35.021,2	35.021,2	35.021,2	-	100,0
-	Thu bổ sung có mục tiêu	4.642,7	14.955,0	6.459,0	- 8.496,0	43,2
3	Thu kết dư					
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
II	Chi ngân sách	56.228,8	61.347,0	56.432,2	- 4.914,8	92,0
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	56.228,8	61.347,0	56.432,2	- 4.914,8	92,0
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới (2)					
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách					
-	Chi bổ sung có mục tiêu					
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG XÃ NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 26/12/2017 của HĐND huyện Đức Cơ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Ước thực hiện năm 2017				Dự toán năm 2018				So sánh (%)			
		Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		
			Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK		Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK		Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=5/1	10=6/2	11=7/3	12=8/4
	TỔNG SỐ	42.052,7	42.052,7	-	-	43.470,0	43.470,0	-	-	103,4	103,4		
1	Thị trấn Chư Ty	15.437,3	15.437,3			25.261,0	25.261,0			163,6	163,6		
2	Xã Ia Dom	3.908,1	3.908,1			3.640,0	3.640,0			93,1	93,1		
3	Xã Ia Kla	3.343,2	3.343,2			1.196,0	1.196,0			35,8	35,8		
4	Xã Ia Krêl	2.841,3	2.841,3			2.472,0	2.472,0			87,0	87,0		
5	Xã Ia Din	3.516,9	3.516,9			2.708,0	2.708,0			77,0	77,0		
6	Xã Ia Nan	7.191,9	7.191,9			2.781,0	2.781,0			38,7	38,7		
7	Xã Ia Lang	450,5	450,5			460,0	460,0			102,1	102,1		
8	Xã Ia Dơk	2.636,6	2.636,6			1.611,0	1.611,0			61,1	61,1		
9	Xã Ia Pnôn	1.202,3	1.202,3			1.529,0	1.529,0			127,2	127,2		
10	Xã Ia Kriêng	1.524,6	1.524,6			1.812,0	1.812,0			118,9	118,9		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ - HĐND ngày 26/12/2017 của HĐND huyện Đức Cơ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Tổng thu NSNN trên địa bàn	I- Thu nội địa (2)	Bao gồm		II- Thu từ dầu thô (3)	III- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu (3)	Bao gồm					
				1. Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	2. Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý			1. Thuê giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	2. Thuế xuất khẩu	3. Thuế nhập khẩu	4. Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	5. Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	6. Thu khác
A	B	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ (2)	43.470,0	43.470,0		43.470,0								
1	Thị trấn Chư Ty	25.261,0	25.261,0		25.261,0								
2	Xã Ia Dom	3.640,0	3.640,0		3.640,0								
3	Xã Ia Kla	1.196,0	1.196,0		1.196,0								
4	Xã Ia Krêl	2.472,0	2.472,0		2.472,0								
5	Xã Ia Din	2.708,0	2.708,0		2.708,0								
6	Xã Ia Nan	2.781,0	2.781,0		2.781,0								
7	Xã Ia Lang	460,0	460,0		460,0								
8	Xã Ia Dok	1.611,0	1.611,0		1.611,0								
9	Xã Ia Pnôn	1.529,0	1.529,0		1.529,0								
10	Xã Ia Kriêng	1.812,0	1.812,0		1.812,0								

11/11/2018

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 26/12/2017 của HĐND huyện Đức Cơ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSDP	358.051,0	301.618,8	56.432,2
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	358.051,0	301.618,8	56.432,2
I	Chi đầu tư phát triển (1)	34.900,0	30.100,0	4.800,0
1	Chi đầu tư cho các dự án	30.900,0	26.100,0	4.800,0
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.600,0	4.600,0	
-	Chi khoa học và công nghệ	950,0	950,0	
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	18.000,0	13.200,0	4.800,0
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác	4.000,0	4.000,0	
II	Chi thường xuyên	316.436,0	265.775,0	50.661,0
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	175.593,0	175.343,0	250,0
2	Chi khoa học và công nghệ (2)	350,0	350,0	

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)			
V	Dự phòng ngân sách	6.715,0	5.743,8	971,2
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	-	-
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2018
(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 26/12/2017 của HĐND huyện Đức Cơ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018
A	B	1
	TỔNG CHI NSDP	343.099,00
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)	41.480,20
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	301.618,80
I	Chi đầu tư phát triển	30.100,00
1	Chi đầu tư cho các dự án	26.100,00
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.600,00
-	Chi khoa học và công nghệ	950,00
-	Chi đầu tư khác	20.550,00
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	
3	Chi đầu tư phát triển khác	4.000,00
II	Chi thường xuyên	265.775,00
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	178.398,00
-	Chi khoa học và công nghệ (2)	350,00
-	Chi quốc phòng	7.246,00
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.310,00
-	Chi y tế, dân số và gia đình	2.771,00
-	Chi văn hóa thông tin	1.810,00
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.420,00
-	Chi thể dục thể thao	526,00
-	Chi bảo vệ môi trường	3.682,00
-	Chi các hoạt động kinh tế	14.925,00
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	30.294,30

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018
A	B	1
-	Chi bảo đảm xã hội	6.560,70
-	Chi thường xuyên khác	16.482,00
-	Chi nộp ngân sách cấp trên	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	
V	Dự phòng ngân sách	5.743,80
VI	Chi quản lý qua ngân sách	-
VII	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

